

NỘI DUNG ÔN TẬP **KHỐI 1**

Toán học

Làm quen với phép trừ - dấu trừ

Trừ bằng cách đếm lùi

Phép trừ trong phạm vi 6

Ôn tập các số đến 10

Ôn tập phép cộng trong phạm vi đến 10

Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật

Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau

Bé hơn, dấu $<$. Lớn hơn, dấu $>$. Bằng nhau, dấu $=$

Tiếng Anh

Plane shapes

Addition up to 10

Phonics: Dd

Vocabulary: desk, dog, door, duck

Sentence patterns : This is a dog

Phonics: Ii

Vocabulary: chicken, chips, fish, milk

I like milk

Phonics: Ee

Vocabulary: "bell, pen, pencil, red red, black." "black."

Nội dung thi có phần nghe

NỘI DUNG ÔN TẬP **KHỐI 2**

Toán học

Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100 (Các số có chữ số tận cùng là 6,7,8,9 cộng với một số)

Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 (Các số có chữ số tận cùng là 1,2,3,4,5,6,7,8 trừ đi một số)

Ôn tập về phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100. Lập phép tính đúng

So sánh các số đến 100

Cấu tạo các số đến 100

Giải bài toán có lời văn về số hạng - tổng

Số bị trừ - số trừ - hiệu

Bài toán về nhiều hơn

Bài toán về ít hơn

Tia số. Số liền trước. Số liền sau

Tiếng Anh

Numbers up to 100

Tens and ones up to 100

Addition and subtraction word problem

Addition up to 100

Subtraction up to 100

Phonics: Rr

Vocabulary: rainbow, river, road

Phonics: Qq

Vocabulary: question, square, quiz

Sentence patterns : What's he doing? He's doing a quiz.

Phonics: Xx

Vocabulary: box, fox, ox

Nội dung thi có phần nghe

NỘI DUNG ÔN TẬP **KHỐI 3**

Toán học

Gấp lên một số lần

Giảm một số đi một số lần

Ôn tập gấp lên/giảm đi một số lần

Bài toán giải bằng hai bước tính

Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ)

Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (có nhớ)

Phép chia hết. Phép chia có dư

Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số

Tiếng Anh

Divisibility and remainder

Divide 2-Digit by 1-Digit

Structures: What's this?

Vocabulary: ear, eye, face, hair, hand, mouth, nose, open, touch

Phonics: "/er/: hair, /ir/: ears"

Structures: What's your hobby? - I like ...

Vocabulary: cooking, dancing, drawing

Phonics: "/p/: painting, /r/: running"

Structures: Is this our ...? - Yes, it is. / No, it isn't.

Nội dung thi có phần nghe

NỘI DUNG ÔN TẬP **KHỐI 4**

Toán học

Ôn tập biểu thức số

Số chẵn. Số lẻ

Các số trong phạm vi 1 000 000

So sánh và xếp thứ tự số tự nhiên

Hai đường thẳng song song

Góc nhọn. Góc tù. Góc bẹt

Các số có nhiều chữ số

Làm tròn số đến hàng trăm nghìn

Ôn tập các phép tính trong phạm vi 100 000

Dãy số tự nhiên

Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng

Hai đường thẳng vuông góc

Hai đường thẳng song song

Tiếng Anh

Multiply by 1 É digit numbers

Divide by 1 É digit numbers

Writing number up to 1,000,000,000 in words

Complete an increasing or a decreasing number sequences

Compare and order numbers

Phonetics: "/dʒ/: jam /w/: water"

Vocabulary: "April, .. birthday, chips, ..."

Structures: When's your birthday?

Structures: Can you ...?

Vocabulary: can, cook, but,

Phonetics: "/j/: yes /n/: no"

Vocabulary: "city, mountains, town, village building,"

Structures: Where's your school? - It's in the

Nội dung thi có phần nghe

NỘI DUNG ÔN TẬP **KHỐI 5**

Toán học

Luyện tập chung về số thập phân

Chia một số thập phân cho một số thập phân

Chia một số thập phân cho một số tự nhiên

Chia một số tự nhiên cho một số thập phân

Nhân một số thập phân với một số thập phân

Nhân một số thập phân với một số tự nhiên

Ôn tập về các phép tính với phân số

Bổ sung các phép tính với phân số

Tiếng Anh

Add and subtract decimals

Multiply decimals

Divide decimals

Add, subtract, multiply and divide decimals

Structures: What would you like to be in the future?

Vocabulary: "firefighter, gardener,"

Word stress: 'teacher, 'dentist

Structures: Where's the?

Vocabulary: "first floor, ground floor, go past, go upstairs,...."

Word stress: up'stairs, down'stairs

Structures: What school activity does he/ she like?

Nội dung thi có phần nghe